

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẬC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 22/11/2025)

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	22901001	B001	R' Mah H' Lê	A	20/10/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
2	23903002	B002	Mi Ri	Am	15/04/2005	Nữ	3.0	6.0	9.0	3.5	21.5	5.38	Đạt
3	22302001	B003	Lê Văn	An	21/07/2003	Nam	4.0	6.0	8.0	2.0	20.0	5.00	Đạt
4	20410003	B004	Hoàng	Anh	15/08/2002	Nam	4.0	6.0	9.0	2.0	21.0	5.25	Đạt
5	21404002	B005	Nguyễn Hoàng	Anh	29/12/2003	Nam	0.0	6.5	7.5	3.0	17.0	4.25	Không đạt
6	24412002	B006	Nguyễn Thị Hải	Anh	09/11/2006	Nữ	6.5	6.5	9.0	5.0	27.0	6.75	Đạt
7	22901003	B007	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/12/2003	Nữ	4.0	6.5	3.0	1.5	15.0	3.75	Không đạt
8	23410006	B008	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	27/03/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	4.0	21.0	5.25	Đạt
9	19403001	B009	Thái Hoàng	Anh	10/02/2001	Nữ	1.0	6.0	9.5	2.5	19.0	4.75	Không đạt
10	24901004	B010	Trịnh Thị Hoàng	Anh	25/08/2006	Nữ							Hoãn thi
11	21402209	B011	Võ Văn	Anh	07/06/2003	Nữ	5.5	5.5	5.0	6.5	22.5	5.63	Đạt
12	24902004	B012	Hoàng Ngọc	Anh	04/08/2006	Nữ	4.5	6.0	6.5	6.5	23.5	5.88	Đạt
13	22404002	B013	Hoàng Thị Ngọc	Anh	14/05/2004	Nữ	3.0	6.0	7.5	3.0	19.5	4.88	Không đạt
14	22903002	B014	Nah Ria Ngọc	Anh	28/07/2004	Nữ	2.0	6.0	8.5	2.5	19.0	4.75	Không đạt
15	22607004	B015	H' Nasan	Ayũn	08/04/2004	Nữ	3.0	6.0	6.0	1.0	16.0	4.00	Không đạt
16	23903004	B016	Đặng Thị	Bằng	09/06/2001	Nữ	6.0	7.0	7.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
17	22305006	B017	Nguyễn Trần Hoài	Bảo	30/08/2004	Nam	0.0	6.5	4.0	0.0	10.5	2.63	Không đạt
18	23105003	B018	Trần Quang	Bảo	17/10/2005	Nam	4.0	6.0	6.0	0.0	16.0	4.00	Không đạt
19	23903006	B019	Nay H'	Bi	13/09/2004	Nữ	0.0	6.0	1.5	0.0	7.5	1.88	Không đạt
20	23607007	B020	H'	Bíc	25/10/2005	Nữ							Vắng
21	21305218	B021	Trần Hải	Bình	17/07/2003	Nam	5.0	6.0	5.0	4.0	20.0	5.00	Đạt
22	23903008	B022	H - Duên	Byă	18/01/2005	Nữ							Vắng
23	22607008	B023	H' Driu	Byă	01/01/2004	Nữ	3.0	6.0	6.5	2.0	17.5	4.38	Không đạt
24	23903009	B024	H Hoan	Byă	18/03/2005	Nữ	0.0	6.0	3.0	0.5	9.5	2.38	Không đạt
25	24903020	B025	Nay H'	Cháu	12/02/2006	Nữ	3.0	6.0	6.5	0.5	16.0	4.00	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
26	22402010	B026	Phùng Đỗ Kim	Chi	30/10/2004	Nữ	6.0	5.0	6.5	4.5	22.0	5.50	Đạt
27	20302002	B027	Huỳnh Bá	Diệp	28/11/2002	Nam	0.0	5.0	9.0	2.5	16.5	4.13	Không đạt
28	23903011	B028	Mai Ngọc Vân	Diệp	08/03/2005	Nữ	3.0	6.0	8.5	4.0	21.5	5.38	Đạt
29	23903016	B029	H'	Diệp	11/11/2004	Nữ	3.0	6.0	7.0	3.0	19.0	4.75	Không đạt
30	23403017	B030	Nguyễn Thị Kim	Diệu	23/10/2005	Nữ	5.0	6.0	7.5	2.5	21.0	5.25	Đạt
31	23311005	B031	Trịnh Hương	Diệu	14/04/2005	Nữ	8.0	6.0	6.5	4.0	24.5	6.13	Đạt
32	23903013	B032	Khúc Thị	Dịu	25/08/2005	Nữ	3.0	5.0	2.5	0.5	11.0	2.75	Không đạt
33	22902006	B033	H- Doanh	Du	26/10/2004	Nữ	5.5	5.0	5.5	5.0	21.0	5.25	Đạt
34	22903012	B034	H' Lỗ	Du	27/03/2001	Nữ	7.0	7.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
35	23412010	B035	Phan Thị Mỹ	Đức	10/11/2005	Nữ	7.5	4.0	8.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
36	23313001	B036	Đỗ Trí	Dũng	20/12/2005	Nam	4.0	6.5	5.5	1.0	17.0	4.25	Không đạt
37	23410025	B037	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/07/2005	Nữ	6.0	4.0	7.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
38	23403021	B038	Trần Nguyễn Ánh	Dương	21/11/2005	Nữ	4.0	3.0	3.0	2.0	12.0	3.00	Không đạt
39	20101023	B039	Trần Sỹ Khánh	Duy	26/06/2002	Nam	7.0	4.0	7.5	5.0	23.5	5.88	Đạt
40	24402027	B040	Trịnh Thị Thùy	Duyên	25/12/2006	Nữ							Vắng
41	23903018	B041	H Diệp	Êban	28/03/2005	Nữ	5.0	3.0	6.0	8.0	22.0	5.50	Đạt
42	21607004	B042	H Du	Êban	20/02/2003	Nữ							Vắng
43	23410031	B043	H Dịu	Êban	05/07/2005	Nữ	3.0	7.0	9.0	0.5	19.5	4.88	Không đạt
44	22607009	B044	H' Jốp	Êban	12/09/2004	Nữ	6.0	3.0	4.0	2.0	15.0	3.75	Không đạt
45	22903016	B045	H	Gái-hmökk	23/11/2004	Nữ	5.5	5.0	8.0	4.0	22.5	5.63	Đạt
46	23903019	B046	Hồ Thị Hương	Giang	13/08/2005	Nữ	6.0	5.0	4.0	2.5	17.5	4.38	Không đạt
47	22404007	B047	Phạm Vũ Châu	Giang	18/02/2004	Nữ	4.0	7.5	9.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
48	24402041	B048	Nguyễn Thúy	Hà	17/04/2006	Nữ							Vắng
49	22902011	B049	Võ Thị Thu	Hà	10/01/2002	Nữ							Vắng
50	23313003	B050	Nguyễn Bảo	Hân	24/01/2005	Nữ	5.5	7.5	8.5	3.0	24.5	6.13	Đạt
51	23403032	B051	Trần Đặng Bảo	Hân	03/02/2005	Nữ	7.0	7.0	9.0	4.5	27.5	6.88	Đạt
52	22411004	B052	Phạm Thu	Hằng	17/08/2003	Nữ	6.5	7.5	7.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
53	22903021	B053	Tạ Thị Thu	Hằng	03/07/2004	Nữ	5.0	7.0	6.5	2.0	20.5	5.13	Đạt
54	22306004	B054	A	Hào	27/11/2004	Nam							Vắng
55	22605005	B055	Kpă	Hem	26/07/2004	Nam	4.0	5.0	9.0	1.5	19.5	4.88	Không đạt
56	23903022	B056	Nguyễn Thị	Hiên	23/02/2005	Nữ	8.0	7.5	7.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
57	22607013	B057	Lê Thị Minh	Hiếu	01/07/2003	Nữ	6.0	7.5	5.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
58	21607059	B058	H' Vêra	Hlông	08/01/2003	Nữ	4.5	4.0	3.5	0.5	12.5	3.13	Không đạt
59	22902012	B059	H' Sa La Mi -	Hmökk	29/10/2004	Nữ	3.0	5.5	7.5	2.5	18.5	4.63	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
60	23903025	B060	Nguyễn Thị Mai	Hoa	29/12/2004	Nữ	5.0	7.5	7.5	3.0	23.0	5.75	Đạt
61	23903027	B061	Ksor	Hóa	08/09/2005	Nữ	3.0	5.5	3.5	1.5	13.5	3.38	Không đạt
62	22903026	B062	Nguyễn Thị	Hòa	12/01/2004	Nữ							Vắng
63	22410110	B063	Đinh Văn	Hoan	20/05/2004	Nam	4.0	8.5	7.5	2.5	22.5	5.63	Đạt
64	22410019	B064	Ngô Đức	Hoàng	10/02/2004	Nam	4.5	8.5	8.0	3.0	24.0	6.00	Đạt
65	20403042	B065	Ngô Minh	Hoàng	08/10/2002	Nam	2.5	8.5	8.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
66	21307086	B066	Phạm Văn	Hoàng	25/02/2003	Nam	6.0	8.5	7.5	5.5	27.5	6.88	Đạt
67	22404010	B067	Phạm Xuân	Hoàng	19/04/2004	Nam	5.0	8.5	8.0	4.5	26.0	6.50	Đạt
68	23403037	B068	Vi Thị	Hồng	27/06/2004	Nữ	1.0	8.5	7.5	5.5	22.5	5.63	Đạt
69	22305027	B069	Phan Gia	Huân	14/09/2003	Nam	1.5	8.5	7.0	8.0	25.0	6.25	Đạt
70	22607014	B070	Hoàng Xuân	Hương	28/01/2004	Nữ	2.5	8.5	8.5	3.0	22.5	5.63	Đạt
71	20103023	B071	Lục Sĩ	Huy	26/05/2000	Nam	3.5	8.5	8.5	2.5	23.0	5.75	Đạt
72	20307253	B072	Tạ Quang	Huy	10/05/2000	Nam							Hoãn thi
73	22601018	B073	Mang Thị Thu	Huyền	19/08/2004	Nữ	5.5	4.5	5.0	4.5	19.5	4.88	Không đạt
74	23311012	B074	Nguyễn Thị	Huyền	23/05/2005	Nữ	7.5	8.5	8.5	3.0	27.5	6.88	Đạt
75	22402035	B075	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/01/2004	Nữ	8.5	8.5	7.5	5.0	29.5	7.38	Đạt
76	23903030	B076	Vi Thị Ngọc	Huyền	29/06/2005	Nữ	6.5	8.5	7.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
77	23903033	B077	H Xĩa	Hwing	08/11/2005	Nữ	2.5	8.5	7.5	4.5	23.0	5.75	Đạt
78	21401054	B078	Y Su Sin	Kbuôr	07/02/2002	Nam	8.0	5.0	8.0	1.5	22.5	5.63	Đạt
79	23101012	B079	Trần Quang	Khải	14/11/2005	Nam	8.5	5.0	7.5	7.0	28.0	7.00	Đạt
80	20305210	B080	Rơô	Khanh	04/05/2002	Nam	7.0	8.5	7.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
81	18307155	B081	Hoàng Trọng	Khánh	03/11/1999	Nam	4.5	5.0	5.5	2.5	17.5	4.38	Không đạt
82	22410026	B082	Lê Đăng	Khoa	10/02/2004	Nam	6.0	8.5	9.0	2.5	26.0	6.50	Đạt
83	21305058	B083	Đoàn Văn	Khôi	16/11/2003	Nam	2.5	8.5	8.5	1.0	20.5	5.13	Đạt
84	21404054	B084	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khôi	22/08/2003	Nam	2.0	8.5	8.5	4.5	23.5	5.88	Đạt
85	24903071	B085	Ksor H'	Khuên	27/03/2006	Nữ	6.5	8.5	9.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
86	23903035	B086	Y -	Khuyết	22/11/2005	Nữ	3.0	8.0	9.0	4.5	24.5	6.13	Đạt
87	23406019	B087	Lê Thị Thúy	Kiều	29/01/2005	Nữ	7.5	7.5	7.5	4.0	26.5	6.63	Đạt
88	24903077	B088	H' Bruai Niê	Ksor	03/06/2005	Nữ	6.5	7.0	7.0	6.5	27.0	6.75	Đạt
89	23903037	B089	H Din	Ksor	24/07/2005	Nữ	6.5	8.5	8.0	4.5	27.5	6.88	Đạt
90	23903038	B090	H Xuân	Ksor	08/01/2005	Nữ	6.0	8.5	8.5	4.5	27.5	6.88	Đạt
91	22410029	B091	Nguyễn Cảnh	Kỳ	01/09/2004	Nam	6.0	8.5	9.0	3.0	26.5	6.63	Đạt
92	23903040	B092	Cruyang Si	La	21/03/2005	Nữ	6.5	8.0	8.0	1.5	24.0	6.00	Đạt
93	22403051	B093	Phan Thanh	Lâm	01/10/2004	Nam	7.5	7.5	7.0	7.0	29.0	7.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
94	22607018	B094	Mai Thị Thảo	Liên	19/05/2004	Nữ	5.0	6.5	3.0	0.0	14.5	3.63	Không đạt
95	22903091	B095	Y Sy	Lin	22/10/2004	Nữ	4.0	7.0	6.5	0.1	17.6	4.40	Không đạt
96	23903041	B096	H' Bôi	Linh	19/10/2005	Nữ	2.0	4.0	3.5	2.0	11.5	2.88	Không đạt
97	23311020	B097	Lê Thị Ngọc	Linh	29/11/2005	Nữ	8.0	4.5	6.0	3.0	21.5	5.38	Đạt
98	24901056	B098	Nguyễn Phương	Linh	17/11/2006	Nữ							Hoãn thi
99	24901058	B099	Phạm Bùi Phương	Linh	03/11/2006	Nữ							Hoãn thi
100	23608025	B100	Trần Đức	Linh	18/07/2005	Nam	6.0	3.5	4.5	4.5	18.5	4.63	Không đạt
101	24901059	B101	Trần Thị Mỹ	Linh	14/08/2006	Nữ							Hoãn thi
102	24903081	B102	Lục Thị Hồng	Loan	07/05/2006	Nữ	4.0	5.0	5.0	3.5	17.5	4.38	Không đạt
103	21305317	B103	Hoàng Đình	Long	02/03/2003	Nam							Vắng
104	22404014	B104	Nguyễn Bá	Long	03/09/2004	Nam	4.0	3.5	5.5	4.0	17.0	4.25	Không đạt
105	22404048	B105	Võ Bùi Phi	Long	22/05/2004	Nam	4.5	6.0	3.0	0.5	14.0	3.50	Không đạt
106	24402077	B106	Hồ Thị Bích	Ly	24/11/2006	Nữ							Vắng
107	22403061	B107	Mai Cẩm	Ly	27/02/2004	Nữ	6.0	5.0	3.5	2.0	16.5	4.13	Không đạt
108	23903044	B108	Trịnh Thị	Ly	14/10/2005	Nữ	4.5	6.5	6.5	3.0	20.5	5.13	Đạt
109	24901068	B109	Lê Thị Xuân	Mai	01/03/2006	Nữ							Hoãn thi
110	23903045	B110	H' Hoa Mi	Mdrang	29/03/2005	Nữ	5.0	7.0	7.0	0.0	19.0	4.75	Không đạt
111	23903046	B111	Lưu Thị	Mến	04/07/2005	Nữ	5.0	5.0	7.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
112	22605010	B112	Cill Pam	Miju	08/10/2004	Nữ	5.0	6.5	3.0	2.0	16.5	4.13	Không đạt
113	23403059	B113	Nguyễn Thị	Minh	23/05/2005	Nữ	5.0	5.0	3.0	2.0	15.0	3.75	Không đạt
114	22601028	B114	H' Diệu	Mlô	25/10/2004	Nữ	5.0	5.0	6.0	6.0	22.0	5.50	Đạt
115	23311023	B115	H La Ra	Mlô	20/11/2004	Nữ	5.0	6.5	6.5	4.0	22.0	5.50	Đạt
116	23903049	B116	H Su An	Mlô	10/03/2005	Nữ	5.0	6.5	5.5	2.0	19.0	4.75	Không đạt
117	23903051	B117	H'wân	Mlô	25/01/2005	Nữ	4.0	5.0	5.0	2.0	16.0	4.00	Không đạt
118	23903052	B118	H-giang	Mlô	24/12/2005	Nữ	4.0	5.0	2.0	2.0	13.0	3.25	Không đạt
119	23605010	B119	Si Wan	Mlô	18/08/2005	Nữ	4.0	5.0	5.0	2.5	16.5	4.13	Không đạt
120	21309061	B120	Rahlan H'	Muanh	02/03/2003	Nữ	7.5	6.5	5.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
121	23403062	B121	Doãn Thị Kiều	My	04/05/2005	Nữ	4.5	5.0	3.0	0.0	12.5	3.13	Không đạt
122	24901075	B122	Nguyễn Trí	Mỹ	20/01/2006	Nam							Hoãn thi
123	22903043	B123	Phạm Thị	Na	18/03/2001	Nữ	6.0	5.5	6.0	7.0	24.5	6.13	Đạt
124	23605011	B124	Ngọc Văn	Nam	06/04/2005	Nam	3.0	6.5	8.5	2.5	20.5	5.13	Đạt
125	20404034	B125	Nay H'	Nêp	01/01/2001	Nữ	3.0	6.5	3.5	1.0	14.0	3.50	Không đạt
126	23903055	B126	Dương Thanh	Nga	21/04/2005	Nữ	7.5	5.5	8.0	4.0	25.0	6.25	Đạt
127	23403068	B127	Đỗ Thị Kim	Ngân	28/01/2005	Nữ	5.5	6.5	6.5	5.0	23.5	5.88	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
128	22607021	B128	Hoàng Thanh	Ngân	22/12/2003	Nữ							Vắng
129	22305055	B129	Lê Thị	Ngọc	18/12/2003	Nữ	1.0	5.5	7.5	2.5	16.5	4.13	Không đạt
130	23903056	B130	Trần Thị Mỹ	Ngọc	17/06/2005	Nữ	5.5	6.5	6.0	7.0	25.0	6.25	Đạt
131	23903057	B131	Ksor H'	Nguê	03/05/2005	Nữ	2.0	6.5	7.0	4.0	19.5	4.88	Không đạt
132	23903058	B132	Nay H'	Nguyệt	18/08/2004	Nữ	5.0	6.0	8.5	6.5	26.0	6.50	Đạt
133	23605012	B133	Chu Thị Tú	Nhi	16/04/2005	Nữ	5.0	6.0	4.0	5.5	20.5	5.13	Đạt
134	23406075	B134	Dương Yên	Nhi	22/02/2005	Nữ	7.0	6.5	8.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
135	21305255	B135	Lê Hạnh	Nhi	26/01/2003	Nữ	5.0	6.5	6.5	7.5	25.5	6.38	Đạt
136	23402075	B136	Lê Thị Mỹ	Nhi	20/05/2005	Nữ	8.0	6.5	7.0	8.5	30.0	7.50	Đạt
137	23903059	B137	Mai Thị Huyền	Nhi	13/02/2005	Nữ	6.5	6.0	8.5	7.0	28.0	7.00	Đạt
138	22403072	B138	Nguyễn Ngọc Lâm	Nhi	10/10/2004	Nữ	8.0	6.5	6.5	6.5	27.5	6.88	Đạt
139	23403079	B139	Phan Thị Kiều	Nhi	26/08/2005	Nữ	6.5	6.5	8.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
140	20305078	B140	Mai Lâm Tâm	Như	08/10/2002	Nữ							Vắng
141	22305069	B141	Nguyễn Văn	Nhứt	04/01/2004	Nam	5.0	6.0	6.0	1.5	18.5	4.63	Không đạt
142	22607025	B142	H Đ'rim	Niê	25/11/2004	Nữ	4.0	6.0	8.5	4.5	23.0	5.75	Đạt
143	24903115	B143	H Mi La	Niê	17/07/2005	Nữ	4.0	6.5	3.5	4.5	18.5	4.63	Không đạt
144	22607026	B144	H Phương	Niê	02/09/2004	Nữ	4.0	6.5	4.5	6.0	21.0	5.25	Đạt
145	22303008	B145	Y Kiệt	Niê	26/07/2003	Nam	4.0	6.5	8.5	2.5	21.5	5.38	Đạt
146	22903061	B146	Y -	Nữ	10/06/2004	Nữ	6.0	7.0	5.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
147	23903063	B147	Cao Thị Kiều	Oanh	19/01/2004	Nữ	2.0	6.5	8.0	2.5	19.0	4.75	Không đạt
148	23402087	B148	Nguyễn Ngọc Kim	Oanh	10/12/2005	Nữ	8.5	6.5	9.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
149	23406036	B149	Phạm Lâm	Oanh	22/08/2005	Nữ	7.0	6.5	5.5	6.0	25.0	6.25	Đạt
150	22903062	B150	Vũ Kiều	Oanh	09/06/2004	Nữ	2.0	6.5	8.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
151	23402088	B151	Trương Nhật	Phát	22/08/2005	Nam	6.5	7.5	5.0	3.0	22.0	5.50	Đạt
152	22605014	B152	Kon Sa Ha	Phúc	29/09/2004	Nam	6.0	6.5	8.5	3.0	24.0	6.00	Đạt
153	21305117	B153	Nguyễn Trọng	Phúc	01/11/2003	Nam	6.0	6.0	8.5	4.5	25.0	6.25	Đạt
154	21605066	B154	Đinh Dương	Phương	26/11/2003	Nam	5.0	5.0	5.0	3.0	18.0	4.50	Không đạt
155	21307159	B155	Ngô Thanh	Phương	09/05/1999	Nam	8.5	7.5	8.5	8.0	32.5	8.13	Đạt
156	22403089	B156	Đỗ Thị Bích	Phượng	29/02/2004	Nữ	5.0	8.0	5.5	3.0	21.5	5.38	Đạt
157	21305124	B157	Nguyễn Thanh	Quân	01/09/2003	Nam	3.5	6.5	8.5	6.0	24.5	6.13	Đạt
158	21305129	B158	Nguyễn Ngọc	Quý	05/03/2003	Nam	8.0	6.5	5.5	2.0	22.0	5.50	Đạt
159	22410062	B159	Phạm Nguyễn Nhân	Quý	27/02/2004	Nam	8.0	6.0	7.5	3.0	24.5	6.13	Đạt
160	22305079	B160	Đậu Đức	Quyết	12/04/2004	Nam	1.0	7.0	8.5	4.0	20.5	5.13	Đạt
161	22404020	B161	Đỗ Thị Chúc	Quỳnh	06/01/2004	Nữ	2.0	7.5	5.5	0.0	15.0	3.75	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
162	23903069	B162	Đoàn Hà Như	Quỳnh	13/05/2005	Nữ	8.0	6.5	8.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
163	22402038	B163	Lê Như	Huỳnh	10/01/2004	Nữ	8.0	7.0	7.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
164	22402099	B164	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/10/2004	Nữ	0.0	7.0	4.5	4.0	15.5	3.88	Không đạt
165	22403094	B165	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/01/2004	Nữ	2.0	7.5	9.0	4.5	23.0	5.75	Đạt
166	22403095	B166	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	25/04/2003	Nữ	7.0	6.5	5.5	5.0	24.0	6.00	Đạt
167	23903071	B167	Rmah	Rinet	25/07/2005	Nữ	7.0	7.0	5.0	5.0	24.0	6.00	Đạt
168	23903074	B168	Phi Srôn K'	Sôi	18/05/2005	Nữ	5.0	7.0	5.0	3.0	20.0	5.00	Đạt
169	23605017	B169	K'	Sung	14/08/2005	Nam	7.0	6.0	5.5	3.0	21.5	5.38	Đạt
170	22305085	B170	Bá Nữ Thiện	Tâm	03/02/2004	Nữ	3.0	6.5	9.0	4.5	23.0	5.75	Đạt
171	24903134	B171	Hồ Thị	Tâm	16/10/2006	Nữ	7.5	7.0	8.5	5.0	28.0	7.00	Đạt
172	22305086	B172	Hoàng Đức	Tâm	12/03/2004	Nam	2.0	7.0	5.5	5.5	20.0	5.00	Đạt
173	23903077	B173	Hoàng Thị Thanh	Tâm	28/01/2005	Nữ	6.0	6.5	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
174	23403091	B174	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	29/08/2005	Nữ	6.5	6.5	5.0	4.5	22.5	5.63	Đạt
175	21305142	B175	Phan Trọng	Tân	13/06/2003	Nam	1.0	6.5	5.0	2.0	14.5	3.63	Không đạt
176	22411009	B176	Giáp Thanh	Thân	29/05/2004	Nam	6.0	7.0	8.5	6.5	28.0	7.00	Đạt
177	22303014	B177	Hồ Văn Vũ	Thăng	19/09/2004	Nam	2.0	7.0	5.5	5.5	20.0	5.00	Đạt
178	21406109	B178	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	26/06/2003	Nữ	7.5	7.5	8.5	5.0	28.5	7.13	Đạt
179	19307222	B179	Dương Công	Thành	20/02/2001	Nam	5.0	7.0	8.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
180	22601036	B180	Bùi Thị Thu	Thảo	30/10/2004	Nữ	7.5	6.5	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
181	21305272	B181	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/07/2003	Nữ	8.0	3.0	8.5	8.0	27.5	6.88	Đạt
182	22403099	B182	Trần Thị Thanh	Thảo	24/08/2004	Nữ	4.0	8.0	5.0	5.5	22.5	5.63	Đạt
183	23903079	B183	H Mê	Thiam	17/05/2003	Nữ	8.0	5.0	8.5	5.0	26.5	6.63	Đạt
184	22305092	B184	Hà Văn	Thịnh	30/10/2003	Nam	1.0	7.0	8.0	7.0	23.0	5.75	Đạt
185	22406043	B185	Bùi Minh	Thu	27/09/2004	Nữ	9.0	7.0	7.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
186	23903081	B186	Lê Thị	Thu	02/08/2005	Nữ	7.5	6.5	9.0	3.5	26.5	6.63	Đạt
187	22305094	B187	Nguyễn Thị Hoài	Thu	15/12/2004	Nữ	4.0	6.5	7.0	6.0	23.5	5.88	Đạt
188	22305097	B188	Hoàng Ngọc Anh	Thư	06/01/2004	Nữ	6.0	7.0	8.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
189	22411010	B189	Lê Thị Như	Thuận	07/04/2004	Nữ	5.0	6.5	8.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
190	20302029	B190	Đặng Hữu	Thuật	10/06/2001	Nam	6.5	7.0	8.5	3.5	25.5	6.38	Đạt
191	23604016	B191	Nay H'	Thuing	23/11/2003	Nữ	2.0	7.0	7.5	3.0	19.5	4.88	Không đạt
192	23903086	B192	Lưu Thị Hoài	Thương	13/02/2005	Nữ	4.5	7.0	9.0	4.5	25.0	6.25	Đạt
193	23903087	B193	Nguyễn Thị	Thương	01/09/2005	Nữ	2.0	7.0	8.5	4.5	22.0	5.50	Đạt
194	21402292	B194	Trần Thị Kim	Thương	15/11/2003	Nữ	9.0	6.5	8.5	5.0	29.0	7.25	Đạt
195	22403103	B195	Hoàng Thanh	Thúy	18/10/2004	Nữ	8.0	7.0	8.5	5.0	28.5	7.13	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
196	22305095	B196	Trần Thị Hồng	Thúy	28/02/2004	Nữ	5.5	7.0	7.0	5.0	24.5	6.13	Đạt
197	22402108	B197	Lê Thị	Thủy	06/09/1999	Nữ	8.0	7.0	7.5	4.5	27.0	6.75	Đạt
198	23903083	B198	Nguyễn Thanh	Thủy	25/10/2005	Nữ	4.0	7.0	8.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
199	22410077	B199	Nguyễn Đình	Tiến	25/01/2004	Nam	2.0	7.0	8.5	3.0	20.5	5.13	Đạt
200	21305167	B200	Nguyễn Văn	Tín	23/05/2003	Nam	5.5	7.0	8.5	2.0	23.0	5.75	Đạt
201	23402111	B201	Trịnh Thiên	Tinh	31/03/2005	Nữ	5.5	7.0	9.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
202	23903089	B202	H Chăm Ấ	Tô	03/08/2005	Nữ	5.0	7.0	9.0	3.5	24.5	6.13	Đạt
203	23605019	B203	Nguyễn K'	Tới	23/09/2005	Nam	4.0	7.0	8.5	4.0	23.5	5.88	Đạt
204	22411011	B204	Trần Thị	Tới	08/06/2004	Nữ	4.0	7.0	6.5	7.5	25.0	6.25	Đạt
205	21305170	B205	Lê Khánh	Tôn	20/09/2003	Nam	5.5	7.0	8.5	7.0	28.0	7.00	Đạt
206	23406058	B206	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20/09/2005	Nữ	7.5	7.0	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
207	22305109	B207	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	25/03/2004	Nữ	6.5	7.0	7.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
208	22305110	B208	Trần Nguyễn Mai	Trân	22/05/2004	Nữ	8.5	7.0	9.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
209	22404024	B209	Đoàn Thị Thủy	Trang	05/11/2004	Nữ	8.0	7.0	8.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
210	20305177	B210	Lê Thị Huyền	Trang	22/08/2002	Nữ							Hoãn thi
211	22403112	B211	Phạm Thị Huyền	Trang	18/02/2004	Nữ	7.5	7.5	8.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
212	22403113	B212	Văn Thị Thiên	Trang	29/11/2003	Nữ	8.0	7.0	9.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
213	22402121	B213	H Sen	Trei	01/03/2004	Nữ	6.0	7.5	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
214	23903092	B214	Lê Thị Lan	Trinh	22/07/2005	Nữ	4.0	7.5	9.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
215	22305112	B215	Trần Tú	Trinh	28/03/2004	Nữ	4.0	7.0	6.0	5.0	22.0	5.50	Đạt
216	19302021	B216	Nguyễn Văn	Trọng	07/05/2001	Nam	5.0	7.5	8.5	3.5	24.5	6.13	Đạt
217	21305181	B217	San Thụy Thanh	Trúc	25/12/2003	Nữ	7.5	7.5	8.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
218	22305115	B218	Trần Thị Thanh	Trúc	16/10/2004	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
219	22410089	B219	Nguyễn Đức Anh	Tú	09/12/2004	Nam	1.0	8.0	9.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
220	21305182	B220	Hoàng Văn	Tuân	24/05/2003	Nữ	5.0	8.0	5.5	5.5	24.0	6.00	Đạt
221	22305119	B221	Nguyễn Anh	Tuân	17/06/2004	Nam	1.0	7.5	7.5	7.5	23.5	5.88	Đạt
222	22410087	B222	Nguyễn Đức Anh	Tuân	09/12/2004	Nam	1.0	8.0	8.0	4.0	21.0	5.25	Đạt
223	22410088	B223	Nguyễn Phi	Tuân	07/02/2004	Nam	4.0	8.5	8.5	6.5	27.5	6.88	Đạt
224	21303020	B224	Rơ Chăm	Tuê	11/02/2003	Nam	1.0	8.0	9.0	3.0	21.0	5.25	Đạt
225	22412060	B225	Mạc Thanh	Tuyền	20/07/2004	Nữ	7.0	6.5	7.5	8.0	29.0	7.25	Đạt
226	23403125	B226	Hồ Thị Phương	Uyên	22/03/2005	Nữ	8.5	5.5	8.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
227	22305123	B227	Lê Hoàng Bảo	Uyên	29/11/2004	Nữ	4.5	8.0	8.5	3.0	24.0	6.00	Đạt
228	23406061	B228	Võ Thị Mỹ	Uyên	11/06/2005	Nữ	4.0	8.0	9.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
229	23410110	B229	Vương Thị Ngọc	Uyên	21/02/2005	Nữ	7.0	5.5	8.5	6.0	27.0	6.75	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
230	23903103	B230	Ka Ví	Uyên	30/06/2005	Nữ	1.0	6.0	8.0	3.0	18.0	4.50	Không đạt
231	23412062	B231	Lê Diệu	Vân	20/03/2005	Nữ	2.0	8.0	8.5	5.5	24.0	6.00	Đạt
232	22410091	B232	Lê Thị Thanh	Vân	25/08/2004	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
233	23903095	B233	Rơ Ô H'	Vân	20/10/2005	Nữ	3.5	6.0	8.5	2.5	20.5	5.13	Đạt
234	22306010	B234	Sùng A	Vàng	02/01/2004	Nam	4.5	7.0	5.5	1.5	18.5	4.63	Không đạt
235	21307246	B235	Châu Quốc	Việt	01/01/2003	Nam	7.5	6.0	9.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
236	20605054	B236	Ksor Y	Việt	01/06/2002	Nam	5.0	7.0	9.0	1.5	22.5	5.63	Đạt
237	21309085	B237	Trà Thị Mỹ	Việt	20/08/2003	Nữ	3.0	6.0	8.0	3.5	20.5	5.13	Đạt
238	21404040	B238	Nguyễn Ngọc	Vũ	15/06/2003	Nam	7.0	6.0	5.5	5.5	24.0	6.00	Đạt
239	23903096	B239	Y -	Vữ	07/05/2005	Nữ	1.0	6.0	8.5	6.5	22.0	5.50	Đạt
240	23903097	B240	Phạm Yên	Vy	18/07/2005	Nữ	4.0	6.0	9.0	6.5	25.5	6.38	Đạt
241	22607059	B241	Thị Mi	Xa	12/10/2003	Nữ	4.5	6.0	8.0	4.0	22.5	5.63	Đạt
242	20403292	B242	Huỳnh Thị Hồng	Xuân	24/11/2002	Nữ							Hoãn thi
243	22903084	B243	Bơ Nah Ria Nai	Xuyên	29/10/2004	Nữ	6.0	6.0	8.5	5.0	25.5	6.38	Đạt
244	23903098	B244	Đỗ Thị Kim	Xuyên	23/08/2005	Nữ	3.5	6.0	8.5	6.5	24.5	6.13	Đạt
245	23402139	B245	Nguyễn Thị Hải	Yên	13/02/2005	Nữ	4.0	6.5	9.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
246	22305137	B246	Phạm Thị	Yên	10/08/2004	Nữ	6.0	6.0	8.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
247	23903100	B247	Siu	Yunny	25/09/2004	Nữ	1.0	6.0	8.0	6.0	21.0	5.25	Đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách:

247

Số thí sinh tham gia:

226

Số thí sinh hoãn thi:

9

Số thí sinh vắng:

12

Số thí sinh đạt:

171

Số thí sinh không đạt:

55

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam